



VNU Journal of Science: Policy and Management Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/PaM>



Review Article

Identifying Barriers to Implementing Circular Supply Chains in Turmeric Production in Chi Minh Commune, Hung Yen Province and Implications from Korean Experience

Do Thi Diem Quynh*, Do Phuong Chi, Tran Yen Nhi

VNU University of Social Sciences and Humanities, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam

Received 29th September 2025

Revised 25th November 2025; Accepted 01st December 2025

Abstract: The construction and practice of circular supply chains in agriculture is considered one of the important solutions to increase added value, reduce waste, and move towards sustainable development. This solution becomes more urgent when developing a circular economy is becoming a strategic orientation of Vietnamese agriculture in the context of green transformation. Circular supply chains not only include the production process but also involve the reuse, recycling and reintegration of agricultural by-products, thereby creating an efficient and environmentally friendly production model. Among agricultural products, turmeric is a specialty crop in many localities, notably in Chi Minh commune (Hung Yen province) with a large cultivation area and output. Turmeric is not only used as a raw material for food and medicinal herbs, but also has the potential to develop deeply processed products, bringing high economic value. Currently, turmeric production in Hung Yen is still mainly based on small-scale households, traditional processes, little application of technology, and limitations in preservation, processing of by-products and market linkage. This article will focus on analyzing some barriers in practicing circular supply chains in turmeric production activities in Chi Minh commune, Hung Yen province and propose the application of Korean lessons in applying high technology and promoting the role of cooperatives and farmer organizations that can help overcome these barriers.

Keywords: Barriers, circular supply chains, turmeric production activities, agricultural production.

* Corresponding author.

E-mail address: dquynh1029@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4581>

Nhận diện các rào cản trong việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn trong hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên và hàm ý từ bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc

Đỗ Thị Diễm Quỳnh, Đỗ Phương Chi, Trần Yên Nhi

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 29 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 11 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 01 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Việc xây dựng và thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn trong nông nghiệp được coi là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị gia tăng, giảm thiểu chất thải và hướng tới phát triển bền vững. Giải pháp này càng trở nên cấp thiết khi phát triển kinh tế tuần hoàn đang trở thành định hướng chiến lược của nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi xanh. Chuỗi cung ứng tuần hoàn không chỉ bao gồm quá trình sản xuất mà còn gắn liền với việc tái sử dụng, tái chế và tái tích hợp phụ phẩm nông nghiệp, mà còn qua đó tạo ra mô hình sản xuất hiệu quả và thân thiện với môi trường. Trong số các sản phẩm nông nghiệp, nghệ là cây đặc sản tại nhiều địa phương, nổi bật ở xã Chí Minh (tỉnh Hưng Yên) với diện tích canh tác và sản lượng lớn. Nghệ không chỉ được dùng làm nguyên liệu cho thực phẩm và dược liệu, mà còn có tiềm năng phát triển các sản phẩm chế biến sâu, mang lại giá trị kinh tế cao. Hiện nay, sản xuất nghệ tại Hưng Yên vẫn chủ yếu dựa vào quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, quy trình truyền thống, ít ứng dụng công nghệ, đồng thời còn hạn chế trong khâu bảo quản, chế biến phụ phẩm và liên kết thị trường. Bài viết sẽ tập trung phân tích một số rào cản trong việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn trong hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên và đề xuất việc áp dụng những bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc ứng dụng công nghệ cao và việc thúc đẩy vai trò của hợp tác xã, tổ chức nông dân có thể giúp vượt qua những rào cản này.

Từ khóa: Rào cản, chuỗi cung ứng tuần hoàn, hoạt động sản xuất nghệ, sản xuất nông nghiệp

1. Mở đầu

Xây dựng chuỗi cung ứng tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp không chỉ giúp tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, giảm thiểu chất thải mà còn tạo ra giá trị gia tăng cho nông sản, nâng cao thu nhập cho người nông dân và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái [1]. Nhiều nghiên cứu đã

chỉ ra rằng chuỗi cung ứng tuần hoàn trong sản xuất và kinh doanh nông sản không chỉ mang lại giá trị về kinh tế mà còn góp phần quan trọng trong phát triển bền vững. Việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn được thể hiện qua ba khía cạnh chính. Thứ nhất, thiết kế sản phẩm và quy trình sản xuất theo hướng giảm thiểu chất thải và ô nhiễm ngay từ đầu. Thứ hai, tái sử dụng và tái

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: dquynh1029@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4581>

chế, tức là tối đa hóa vòng đời của sản phẩm và nguyên liệu thông qua tái sử dụng, tái chế, qua đó duy trì giá trị kinh tế cũng như giảm áp lực lên môi trường. Thứ ba, tái tạo nguồn lực tự nhiên, nhằm phục hồi hệ sinh thái, bảo vệ tài nguyên đất, nước, đa dạng sinh học và đóng góp cho quá trình chuyển đổi xanh trong nông nghiệp. Theo Nguyễn Thế Kiên (2023), nền nông nghiệp Việt Nam đã và đang áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với xu thế phát triển hiện đại song thực tế cũng phải đối mặt với những vấn đề về: i) Khung pháp lý, chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp chưa hoàn thiện; ii) Còn nặng về mô hình tuyến tính trong sản xuất nông nghiệp; và iii) Khả năng tái chế, tái sử dụng các phế phẩm từ nông nghiệp còn hạn chế. Đây là cơ sở quan trọng để bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp tại Việt Nam thời gian tới [2].

Là một loại dược liệu truyền thống được sử dụng rộng rãi ở nhiều địa phương của Việt Nam, nghệ từ lâu đã được biết đến với nhiều đặc tính có lợi cho sức khỏe như chống oxy hóa, kháng khuẩn, chống viêm, giảm đau và hỗ trợ tiêu hóa. Trong những năm gần đây, các mô hình sản xuất sạch gắn với chuỗi cung ứng đã được áp dụng đối với cây nghệ nhằm vừa nâng cao giá trị kinh tế cho người trồng, vừa đảm bảo hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái – xã hội. Tại xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên có truyền thống canh tác cây nghệ lâu đời, là vùng trồng nghệ lớn nhất tỉnh Hưng Yên với trên 435 ha. Đây cũng là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương mang giá trị kinh tế và văn hóa quan trọng, góp phần nâng cao đời sống của người dân trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị đạt được, quá trình sản xuất nghệ tại đây cũng đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc áp dụng mô hình chuỗi cung ứng tuần hoàn. Trong phạm vi của bài báo, nhóm tác giả tập trung phân tích các rào cản trong việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn gắn với hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên và chỉ ra những bài học kinh nghiệm từ Hàn Quốc để đề xuất các giải pháp phù hợp trong điều kiện của địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng 02 phương pháp nghiên cứu chính: Điều tra bảng hỏi và phỏng vấn sâu.

2.1. Phương pháp điều tra bảng hỏi

Nghiên cứu được triển khai tại 03 thôn: thôn Cốc Phong, thôn Nghi Xuyên và thôn Tân Hưng thuộc địa bàn xã Chí Minh (địa bàn có diện tích trồng nghệ lớn nhất tỉnh Hưng Yên) với 330 phiếu khảo sát dành cho 03 nhóm đối tượng: Nhóm 1 (người dân tham gia sản xuất nghệ); Nhóm 2 (hộ kinh doanh các sản phẩm nghệ); Nhóm 3 (người dân không tham gia hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ nghệ sống gần khu vực có hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nghệ). Đối với nhóm người dân tham gia sản xuất nghệ, nhóm tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu xác suất, cụ thể là chọn mẫu nhiều bậc: Chọn 03 thôn tại xã Chí Minh, mỗi thôn chọn ngẫu nhiên 4 xóm, mỗi xóm chọn ngẫu nhiên 23 hộ dân, cụ thể được mô tả như Hình 1.

Đối với hộ kinh doanh, nhóm tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là chọn mẫu có mục đích với 25 phiếu khảo sát cho đối tượng là quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã.

Đối với nhóm hộ dân không tham gia vào hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nghệ: Nhóm tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, thực hiện phát phiếu khảo sát cho 100 hộ tại khu vực 3 thôn.

2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Đối với phương pháp phỏng vấn sâu, nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với 03 nhóm đối tượng: Cán bộ tại địa phương, chuyên gia và người dân xã Chí Minh, cụ thể được mô tả như sau:

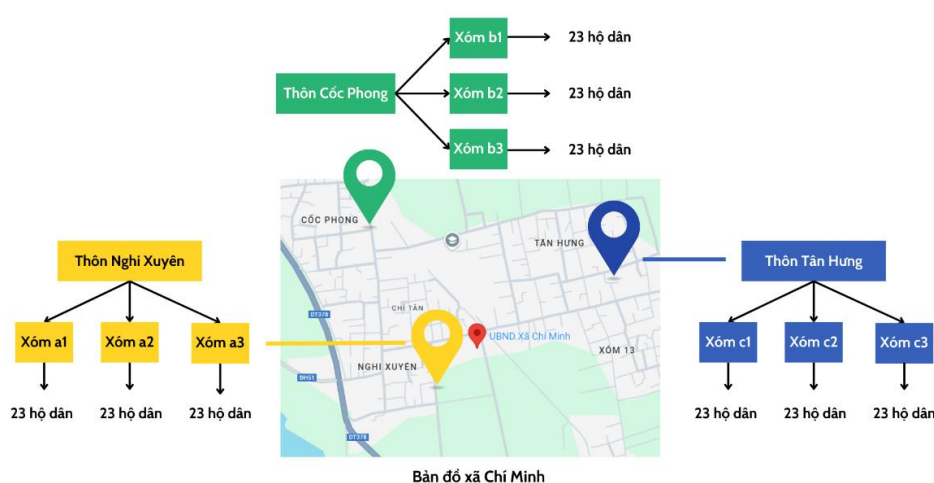
i) 05 cán bộ phụ trách các lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn tại xã Chí Minh;

ii) 03 chuyên gia trong lĩnh vực chính sách công, 02 lãnh đạo doanh nghiệp tham gia thu mua hoặc chế biến nghệ, và 01 chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp;

iii) 10 người dân đang sinh sống trên địa bàn xã Chí Minh (tại 3 thôn Nghi Xuyên, Cốc Phong và Tân Hưng) bao gồm: 04 người dân tham gia sản xuất nghệ; 04 người dân là hộ kinh doanh các sản phẩm từ nghệ; 02 người dân không tham gia hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ nghệ sống gần khu vực có hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm từ nghệ.

Những đối tượng thuộc 03 nhóm trên được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích nhằm đảm bảo sự đa dạng và khả năng cung cấp thông tin của từng nhóm đối tượng. Tất cả

các cuộc phỏng vấn được ghi âm và ghi chép khi có sự đồng thuận. Sau khi được làm sạch dữ liệu phỏng vấn sâu, nhóm tác giả tiến hành xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung, gồm mã hóa mở sau đó phân loại các mã như sau: Nhóm đối tượng người dân (N01, N02, N03, N04) Nhóm đối tượng là chủ doanh nghiệp (D01, D02, D03, D04); Nhóm đối tượng là chính quyền địa phương (C01, C02, C03, C04, C05). Dữ liệu mã hóa sẽ được lựa chọn làm các luận cứ minh họa trong quá trình trình bày kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả.



Hình 1. Phương pháp chọn mẫu nhiều bậc đối với nhóm người dân tham gia sản xuất nghệ tại 03 thôn thuộc xã Chí Minh.

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2024).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh

Xã Chí Minh với tổng diện tích tự nhiên 7,77 km², tương đương 777 ha là một trong những địa phương tiêu biểu với truyền thống canh tác nghệ đồ lâu đời hơn 50 năm với hơn 1068 hộ tham gia trồng nghệ/435 ha diện tích canh tác, đóng vai trò là nguồn sinh kế chủ yếu của nhiều hộ dân.

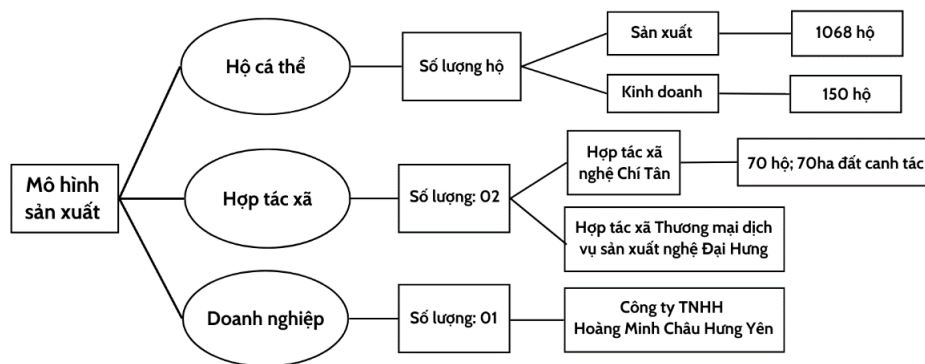
Hoạt động trồng nghệ tại Chí Minh không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn gắn bó sâu sắc với yếu tố văn hóa truyền thống, thể hiện qua tập quán chọn giống, xen canh và kỹ thuật thu hoạch được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Theo Báo cáo

của Ban Chấp hành Hội Nông dân xã Chí Tân (2024), có tổng cộng 150 hộ dân tham gia chế biến và kinh doanh sản phẩm từ nghệ với cấu trúc nhà xưởng thường gồm ba khu chức năng: sơ chế nguyên liệu, phơi/sấy và đóng gói sản phẩm [3]. Điều này phản ánh đặc trưng sản xuất của địa phương chủ yếu mang tính hộ gia đình, song đang từng bước chuyển dịch sang mô hình liên kết hợp tác và tiêu chuẩn hóa trong sản xuất – chế biến sản phẩm nghệ.

Tuy nhiên tỷ lệ hộ dân tham gia hợp tác xã còn thấp, chỉ chiếm khoảng 4%, nên chưa phát huy được vai trò điều phối và liên kết sản xuất trong chuỗi giá trị [4].



Hình 2. Cánh đồng nghệ tại xã Chí Minh.
(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2024).



Hình 3. Mô hình sản xuất nghệ hiện nay tại xã Chí Minh.
(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025).

Việc đề xuất ứng dụng chuỗi cung ứng tuần hoàn trong hoạt động sản xuất nghệ là hướng đi nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và đảm bảo phát triển bền vững cho ngành sản xuất nghệ địa phương. Mô hình này hướng đến việc khép kín, tuần hoàn dòng vật chất và năng lượng thông qua tái sử dụng, tái chế, tái tạo phụ phẩm, biến chất thải thành tài nguyên, giúp tiết kiệm đầu vào và giảm thiểu tác động môi trường. Trong chuỗi cung ứng tuần hoàn, các khâu trồng trọt - chế biến - phân phối - tiêu dùng - tái chế được kết nối chặt chẽ thành một vòng tròn khép kín, đảm bảo tài nguyên được quay vòng và tái sử dụng. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này tại xã Chí Minh vẫn đang gặp nhiều rào cản, bao gồm nhận thức của người dân còn hạn chế, thiếu cơ chế liên kết giữa các chủ thể trong xử lý phụ phẩm và những

nguồn lực để khai thác và thúc đẩy thế mạnh của địa phương hoạt động sản xuất nghệ phát triển.

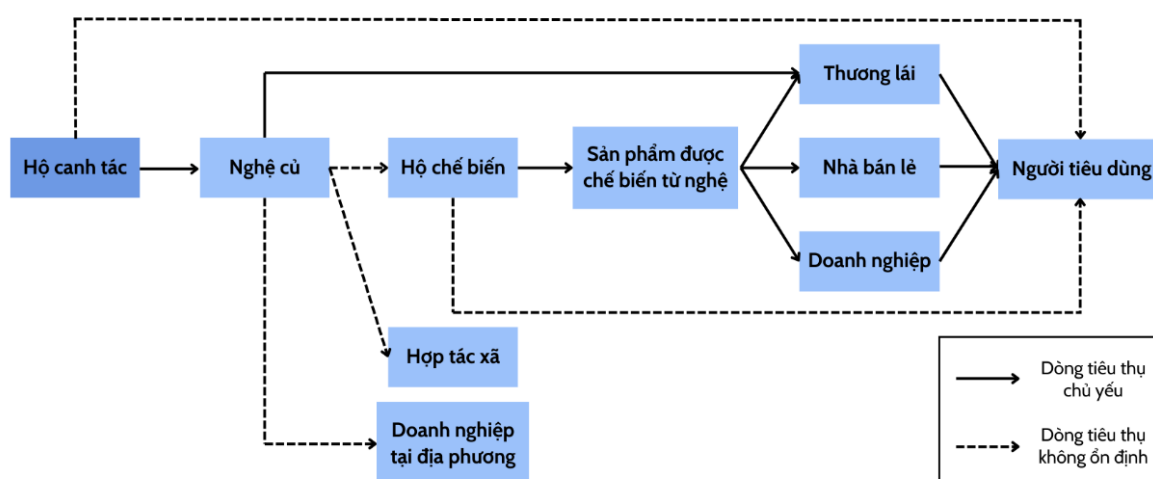
3.2. Một số rào cản trong việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn gắn với hoạt động sản xuất các sản phẩm từ nghệ tại xã Chí Minh

Hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh là một trong những ngành sản xuất truyền thống lâu đời, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương. Tuy nhiên, mô hình sản xuất – chế biến vẫn còn nhiều hạn chế mang tính cấu trúc. Các hộ dân vẫn gặp khó khăn trong việc tìm đầu ra ổn định, khiến chuỗi giá trị nghệ thiếu tính chủ động và dễ bị đứt gãy khi thị trường biến động.

Hiện tại, cấu trúc chuỗi cung ứng nghệ tại xã Chí Minh vẫn mang tính tuyến tính, phân tán và

thiếu liên kết dọc giữa các tác nhân. Trong mô hình này, dòng cung ứng chỉ đi theo một chiều, từ trồng trọt – thu hoạch – chế biến – tiêu thụ cuối cùng mà không có quá trình quay vòng hay tái sử dụng phụ phẩm. Các khâu trong chuỗi sản xuất hoạt động rời rạc, thiếu kết nối, dẫn đến hiệu suất sử dụng tài nguyên thấp, tỷ lệ thất thoát cao, và phát sinh lượng lớn chất thải hữu cơ chưa

được xử lý. Chính vì thiếu sự phối hợp giữa người sản xuất, cơ sở chế biến, thương lái và hợp tác xã, chuỗi cung ứng nghệ hiện nay vẫn chưa hình thành được chuỗi giá trị khép kín, dẫn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh còn hạn chế, thị trường tiêu thụ bấp bênh và thiếu tính bền vững lâu dài.



Hình 4. Mô tả chuỗi cung ứng trong sản xuất nghệ tại xã Chí Minh.
 (Nguồn: Đỗ Thị Diễm Quỳnh và cộng sự, 2025).

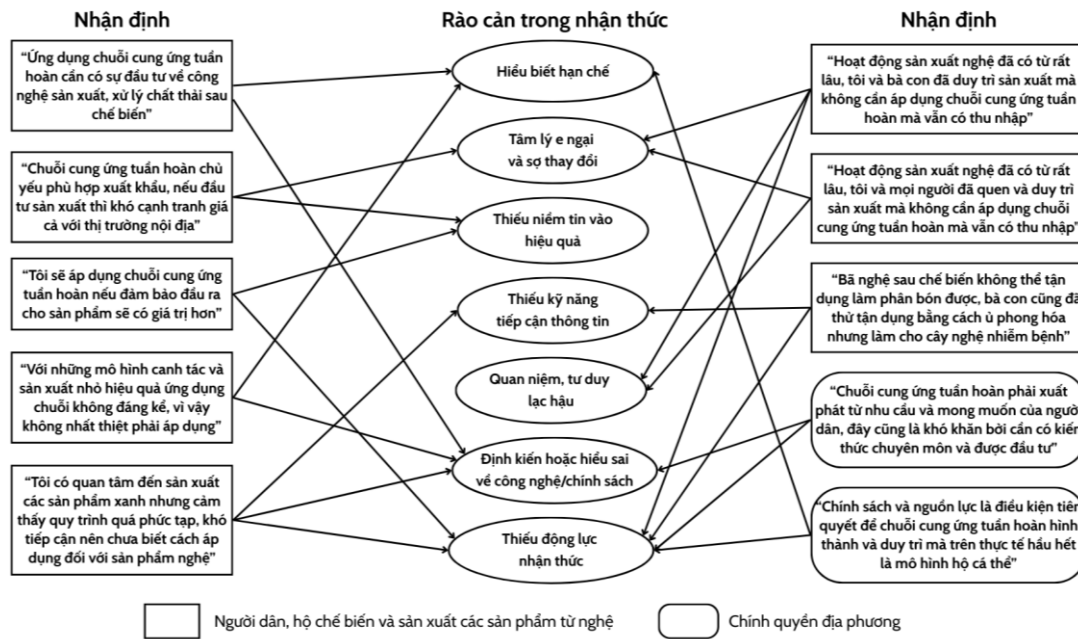
Qua quá trình nghiên cứu thực trạng hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh hiện nay tồn tại 03 rào cản chính trong việc ứng dụng chuỗi cung ứng tuần hoàn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ nghệ tại xã Chí Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, bao gồm: rào cản về nhận thức, chính sách và nguồn lực.

3.2.1. Rào cản trong nhận thức

Quá trình canh tác và chế biến nghệ theo phương thức truyền thống đã được duy trì ổn định trong khoảng 50 năm và vẫn đang là nguồn thu nhập chính của người dân địa phương, tạo nên thói quen sản xuất khó thay đổi. Qua quá trình khảo sát và phỏng vấn sâu, phần lớn rào cản trong nhận thức của người dân được thể hiện qua Hình 5.

Dựa trên kết quả thu thập được tại Hình 5, nhóm tác giả đánh giá những ảnh hưởng của rào cản nhận thức tại Bảng 1.

Người dân đã thử nghiệm những phương thức ban đầu nhằm tận dụng - tái chế đối với nguồn phế phụ phẩm sau quá trình chế biến, tuy nhiên nhận thức và kỹ năng về sản xuất tuần hoàn chưa được hình thành. Điển hình, việc tận dụng nguồn phế phụ phẩm là bã nghệ không đúng cách dẫn đến không đem lại hiệu quả, ngược lại làm cho nguồn đất ô nhiễm (có đến 92% số hộ sản xuất đồ nguồn bã nghệ ra 1 khu vực để phong hóa và 52% vùi lấp nơi trũng thấp) khiến cây nghệ dễ nhiễm bệnh. Chính việc tận dụng chưa đúng cách dẫn đến nhận thức về lợi ích của việc tận dụng và tái sử dụng còn hạn chế, khó thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn. Đối với nguồn bã nghệ lớn nhóm tác giả nghiên cứu đề xuất liên kết với các mô hình trồng nhãn trên địa bàn xã Chí Minh nhằm tận dụng một cách phù hợp với đặc điểm cây trồng và tận dụng hiệu quả nguồn bã nghệ thải ra sau chế biến.



Hình 5. Một số nhận định liên quan đến nhận thức chính quyền và người dân về thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn tại xã Chí Minh.
(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025).

Bảng 1. Ảnh hưởng của rào cản nhận thức đến việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn

Rào cản	Ảnh hưởng	Mã Code
Hiểu biết hạn chế	Không nắm rõ bản chất, lợi ích hoặc yêu cầu của chính sách, hiểu sai hoặc áp dụng sai.	N01, N03, N04, C02
Tâm lý e ngại và sợ thay đổi	Duy trì thói quen cũ, lo ngại rủi ro khi chuyển đổi.	N02, D01, D02
Thiếu niềm tin vào hiệu quả	Nghĩ ngờ các giải pháp mới không mang lại giá trị thực, thiếu niềm tin vào những chính sách hỗ trợ.	N02, N03
Thiếu kỹ năng tiếp cận thông tin	Khả năng tiếp cận, vận dụng những hướng dẫn hạn chế.	D01, D05
Quan niệm, tư duy lạc hậu	Làm theo kinh nghiệm, thiếu tư duy dài hạn, cản trở đổi mới.	D03, D04
Định kiến về giải pháp	Không muốn tiếp cận, khó chủ động trong quá trình chuyển đổi.	N01, N04, D01, C01
Thiếu động lực nhận thức	Thái độ thờ ơ, không nhìn nhận được mục đích thay đổi.	N03, D01, D02, D05, C01, C02

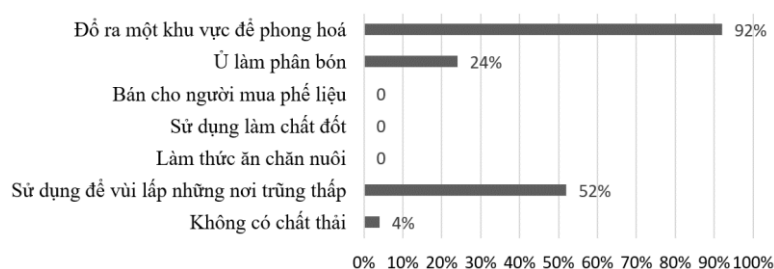
(Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu, 2025).

Trong quá trình phỏng vấn sâu, lãnh đạo địa phương cho rằng chuỗi cung ứng tuần hoàn là một mô hình đòi hỏi nhiều công nghệ hiện đại và chỉ có thể áp dụng ở quy mô doanh nghiệp lớn. Nhận thức này đã vô tình tạo ra rào cản, khiến họ

e ngại và chưa chủ động tiếp cận với những giải pháp tuần hoàn phù hợp ở quy mô hộ gia đình hoặc hợp tác xã. Do đó, nhà quản lý có xu hướng đánh giá mô hình này là chưa thật sự cần thiết ở giai đoạn hiện tại, từ đó trì hoãn hoặc né tránh

việc triển khai trên thực tế. Điều này cho thấy khoảng cách giữa nhu cầu thực tiễn của người sản xuất và cách tiếp cận thận trọng của cơ quan quản lý, đồng thời đặt ra yêu cầu phải hài hòa nhận thức và tăng cường phối hợp giữa hai chủ thể để mô hình chuỗi cung ứng tuần hoàn có thể

được triển khai hiệu quả. Vì vậy, không chỉ người dân mà cả chính quyền địa phương cũng cần được nâng cao nhận thức về chuỗi cung ứng tuần hoàn, để mô hình có thể được áp dụng một cách đồng bộ và bền vững.



Hình 6. Thực trạng cách thức xử lý bã thải nghệ sau chế biến.
(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025).

3.2.2. Rào cản về chính sách

Trong quá trình phỏng vấn sâu cán bộ địa phương và các hộ sản xuất, chế biến các sản

phẩm từ nghệ tại xã Chí Minh, nhóm tác giả nhận thấy một số rào cản xuất phát từ quá trình ban hành cũng như thực thi chính sách tại Bảng 2.

Bảng 2. Một số nhận định liên quan đến chính sách hỗ trợ trong ứng dụng chuỗi cung ứng tuần hoàn tại địa phương

Vấn đề	Biểu hiện	Mã code
Thiếu khung pháp lý rõ ràng cho chính sách	“Các chính sách cấp tỉnh đưa xuống còn chung chung, chưa có quy trình cụ thể để xã triển khai”.	N01, N03, D02,
	“Không có quy định thống nhất về tiêu chí đánh giá mô hình chuỗi cung ứng tuần hoàn”.	D02, D03
	“Chúng tôi hiểu chủ trương là tốt, nhưng khi bắt tay thực hiện thì thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng nên rất khó để phê duyệt, hỗ trợ hay giám sát”.	C01, C04
Chính sách tầm nhìn dài hạn, không rõ lộ trình	“Chính quyền nói về kinh tế tuần hoàn đã lâu, nhưng chưa có lộ trình rõ ràng, nên chúng tôi không dám mạnh dạn đầu tư vì sợ rủi ro chính sách”.	N02, N03
	“Tỉnh đặt mục tiêu khá rõ ràng, tuy nhiên thiếu kế hoạch trung hạn đi kèm. Các hộ sản xuất nhỏ lẻ ở Chí Minh không biết khi nào sẽ có nguồn hỗ trợ, khi nào cần chuyển đổi công nghệ”.	N01, N02, N04, D03, D04
Cơ chế hỗ trợ thiếu thực tế, chưa phù hợp với điều kiện địa phương	“Các khoản hỗ trợ của địa phương hiện nay thiên về mô hình mẫu hoặc quy mô lớn, trong khi phần lớn hộ sản xuất ở Chí Minh chỉ làm thủ công, nhỏ lẻ, nên rất khó tiếp cận”.	C05, D01
	“Không có cơ chế hỗ trợ chuyển đổi từng phần hay thí điểm nhỏ, trong khi địa phương rất cần mô hình thử nghiệm trước khi triển khai rộng”.	D02, D04
Kết nối giữa chính sách - môi trường - công nghệ còn thiếu chặt chẽ	“Chúng tôi muốn xử lý phụ phẩm theo hướng tuần hoàn, nhưng chính sách môi trường yêu cầu một kiểu, còn chính sách hỗ trợ công nghệ lại đi theo hướng khác. Không có văn bản nào hướng dẫn sự kết nối giữa các yêu cầu này nên rất khó áp dụng”.	D01, D02, D04, N03
	“Địa phương rất muốn triển khai các mô hình công nghệ tuần hoàn, nhưng không biết xin hỗ trợ từ ngành nào, phối hợp ra sao. Thiếu đầu mối chung khiến các chính sách không đi vào thực tế”.	C01, C03, C05

(Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu, 2025).

Trong quá trình phỏng vấn sâu, nhóm tác giả cũng khái quát hóa những khoảng trống trong việc ban hành và thực thi chính sách từ cấp

trung ương đến địa phương thông qua một số văn bản cụ thể hiện nay.

Bảng 3. Nhận diện khoảng trống của một số văn bản chính sách liên quan đến thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn

Tên văn bản	Khoảng trống
Kế hoạch 56/KH-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên về Kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2035.	Chưa cụ thể hóa các yêu cầu, tiêu chí hay hướng dẫn triển khai đối với từng nhóm ngành, đặc biệt là các quy trình sản xuất nông nghiệp có tính đặc thù như nghệ.
Quyết định 31/QĐ-UBND về Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế trang trại tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	- Không đề cập đến cơ chế tổ chức chuỗi cung ứng tuần hoàn. - Thiếu cơ chế hướng dẫn tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp.
Quyết định 1854/QĐ-UBND về Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	- Chính sách này mới dừng lại ở mức định hướng, không đề cập rõ ràng đến mô hình tuần hoàn hoặc chuỗi liên kết khép kín trong sản xuất nông nghiệp. - Chưa xác định phương thức quản lý, xử lý và tái sử dụng phế phụ phẩm.

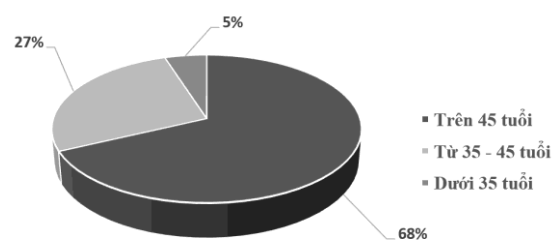
(Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu, 2025).

Tổng thể, những chính sách trên đều thể hiện tầm nhìn phát triển dài hạn, nhưng vẫn thiếu các hướng dẫn cụ thể, công cụ hỗ trợ phù hợp và cơ chế kết nối cần thiết để thúc đẩy một chuỗi cung ứng tuần hoàn đối với sản phẩm từ nghệ tại địa bàn thực thi. Như vậy, để triển khai chuỗi cung ứng tuần hoàn trong sản xuất các sản phẩm từ nghệ, vẫn tồn tại các khoảng trống bao gồm: i) Thiếu khung pháp lý và hướng dẫn triển khai cụ thể; ii) Thiếu lộ trình và kế hoạch thực thi rõ ràng; iii) Cơ chế hỗ trợ chưa phù hợp với đặc thù sản xuất nghệ; và iv) Thiếu sự kết nối giữa chính sách – môi trường – công nghệ. Đây là những rào cản chính khiến chuỗi cung ứng tuần hoàn chưa thể triển khai thực tế tại xã Chí Minh.

3.2.3. Rào cản về nguồn lực

Thứ nhất, rào cản về nhân lực hiện nay đến từ xu hướng già hóa nguồn nhân lực và mối liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi còn rời rạc, thiếu cơ chế phối hợp bền vững trong các khâu từ trồng trọt, thu mua, sơ chế đến chế biến. Cơ cấu lao động đang có xu hướng già hóa khi có tới 68% lao động sản xuất nghệ độ tuổi trên 45, trong khi lực lượng lao động trẻ tham gia sản xuất ngày càng giảm (Hình 7). Trong đó, chỉ khoảng 8–12% người sản xuất từng tham gia các

khóa tập huấn về kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến hoặc quản lý sản xuất, nhân lực có kiến thức liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc, tái chế phụ phẩm chỉ chiếm dưới 5% [4]. Cơ cấu độ tuổi lao động có tác động lớn đến việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn bởi nguồn nhân lực trẻ với sự quan tâm đến các cơ hội phát triển, thích ứng với môi trường biến đổi sẽ là tiền đề phát triển và mở rộng chuỗi cung ứng tuần hoàn.



Hình 7. Cơ cấu lao động tham gia sản xuất nghệ tại xã Chí Minh.

(Nguồn: Kết quả khảo sát, 2025).

Ngoài ra, mối liên kết giữa các tác nhân tham gia trong chuỗi vẫn còn rời rạc và thiếu tính bền vững. Cụ thể, sự kết nối giữa hộ canh tác, doanh nghiệp chế biến, hợp tác xã, thương lái và hệ

thống phân phối chưa được thiết lập trên cơ sở hợp đồng dài hạn hoặc cơ chế phối hợp chặt chẽ. Thay vào đó, các dòng tiêu thụ chủ yếu mang tính ngắn hạn, phụ thuộc vào thỏa thuận mang tính thời điểm và biến động cung - cầu của thị trường, dẫn tới việc sản phẩm có thể được tiêu

thụ qua nhiều kênh khác nhau nhưng không có sự điều phối chung trong toàn chuỗi, khiến chuỗi cung ứng dễ bị đứt gãy, giảm khả năng cạnh tranh và hạn chế quá trình nâng cấp chuỗi giá trị theo hướng hiệu quả, hiện đại và tuần hoàn hơn.



Cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp
(sản xuất và kinh doanh quanh năm)



Cơ sở sản xuất của hộ cá thể
(sản xuất theo mùa vụ, đơn đặt hàng)

Hình 8. Cơ sở sản xuất nghệ của doanh nghiệp và hộ cá thể trên địa bàn xã Chí Minh.
(Nguồn: Nhóm tác giả, 2024).

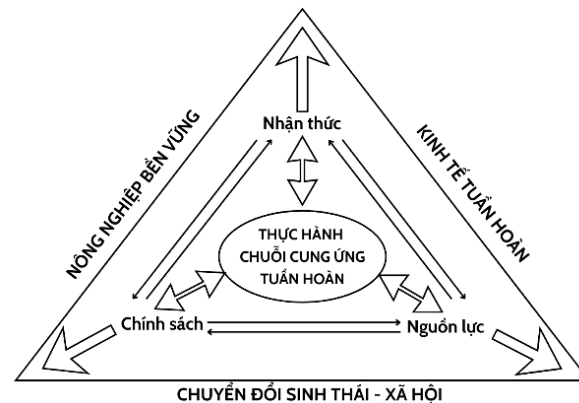
Thứ hai, nguồn tài lực, vật lực. Để thực thi các chính sách thúc đẩy ứng dụng chuỗi cung ứng tuần hoàn nói riêng và chính sách phát triển sản xuất đối với sản phẩm nghệ nói chung thì cần có những điều kiện phù hợp. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay, với quy mô sản xuất chủ yếu là hộ cá thể, vốn đầu tư thấp, không đảm bảo về sản lượng sản xuất chính vì vậy khó tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi hoặc chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ điều này là một trong những rào cản đặc thù riêng đòi hỏi những chính sách hỗ trợ phù hợp với mô hình sản xuất hộ cá thể có thể tiếp cận được. Các chính sách hỗ trợ về nguồn tài chính, hạ tầng... chủ yếu dành cho mô hình doanh nghiệp, sự chênh lệch này khiến mô hình hộ cá thể chưa thể duy trì ổn định trong hoạt động sản xuất và trong chuỗi cung ứng tuần hoàn (Hình 8).

Thứ ba, cách thức truyền đạt và tiếp cận thông tin chủ yếu hiện nay còn một chiều nhất là trong triển khai các chính sách của địa phương.

Chưa có kênh phản hồi, trao đổi trong hoạt động sản xuất và trong thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn. Điều này ảnh hưởng đến nhận thức và hiệu quả trong thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn.

Để làm rõ ảnh hưởng của 3 rào cản trên với nhau, nhóm tác giả tiến hành sơ đồ hóa mối quan hệ giữa rào cản chính trong bối cảnh phát triển nông nghiệp của địa phương. Trên cơ sở đó, các rào cản về nhận thức, chính sách và nguồn lực được đặt vào trong mối quan hệ tương tác lẫn nhau, phản ánh đầy đủ hơn những hạn chế mang tính hệ thống đang cản trở việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất tuần hoàn (Hình 9).

Các yếu tố về nhận thức, chính sách và nguồn lực là 03 rào cản chính ảnh hưởng đến quá trình thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn. Trong đó ba rào cản này không chỉ tác động riêng lẻ đến quá trình thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn mà đồng thời ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi sinh thái xã hội.



Hình 9. Tổng thể rào cản trong thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn gắn với hoạt động sản xuất nghệ tại xã Chí Minh.

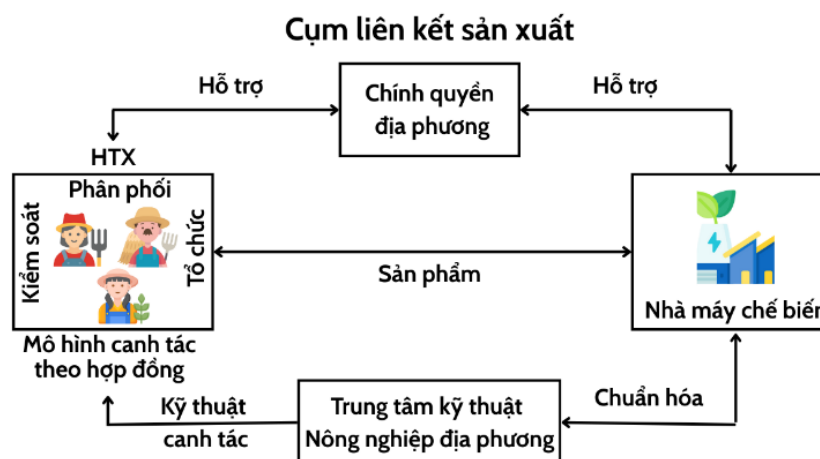
(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2025).

4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong thúc đẩy thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn gắn với hoạt động sản xuất nghệ

Theo dữ liệu từ Tridge, tỷ trọng xuất khẩu nghệ thô của Hàn Quốc trong năm 2023 chỉ là 0,05%, xếp thứ 41 trên thế giới [5]. Ngược lại, Ấn Độ là quốc gia thống trị thị trường này, chiếm khoảng 80% tổng sản lượng toàn cầu [6]. Vào năm 2020, tổng sản lượng nghệ của Hàn Quốc ước tính chỉ đạt khoảng 3,750 tấn và phần lớn sản lượng này lại đến từ một vùng sản xuất chuyên canh duy nhất là vùng Jindo. Theo dữ liệu thương mại, Hàn Quốc là một trong những

quốc gia nhập khẩu nghệ để phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nội địa với lượng chế biến và tiêu thụ lớn với đa dạng các sản phẩm như: các dạng thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thực phẩm qua chế biến,... đem lại giá trị cạnh tranh cao hơn hẳn so với việc xuất khẩu các sản phẩm nghệ thô của Ấn Độ hay các quốc gia Đông Nam Á [7].

Hoạt động sản xuất nghệ tại Hàn Quốc không đơn thuần là hoạt động nông nghiệp riêng lẻ mà được phát triển theo mô hình “Cụm liên kết sản xuất”. Mô hình này phù hợp với điều kiện thực tiễn và đã được triển khai tại huyện Jindo như sau:



Hình 10. Mô tả mô hình “cụm liên kết sản xuất nghệ” tại Jindo - Hàn Quốc.

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2025).

Trong mô hình này, hợp tác xã đóng vai trò là chủ thể tập trung, liên kết, tổ chức nông dân và đồng thời kiểm soát, phân phối đối với các sản phẩm sau chế biến khắc phục được tính nhỏ lẻ, tự phát và manh mún trong hoạt động sản xuất, công nghiệp hóa quy trình sản xuất để đảm bảo hình thành chuỗi cung ứng liên tục. Thông qua hợp tác xã, chính quyền địa phương dễ dàng triển khai những hỗ trợ về chính sách tới người nông dân, phổ biến đồng thời tăng cường sự tham gia vào những hoạt động chuyên đổi bền vững thay vì phải đi tập hợp, đào tạo mà không đem lại hiệu quả. Chính sự tập trung sản xuất với mô hình canh tác theo hợp đồng giúp các doanh nghiệp yên tâm tiếp cận nguồn nguyên liệu vùng, phát triển các nhà máy chế biến. Ở mỗi địa phương thuộc vùng canh tác nông nghiệp, Hàn Quốc triển khai Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp tại chính địa phương gắn với sản phẩm của vùng. Thay vì để các hộ nông dân canh tác theo kinh nghiệm dẫn tới chất lượng không đồng đều, thông qua Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp tại địa phương giúp doanh nghiệp chuẩn hóa các quy trình canh tác, triển khai các kỹ thuật canh tác đảm bảo sự duy trì, ổn định chất lượng của sản phẩm. Nhờ vậy mà vùng Jindo luôn duy trì

được năng suất cung ứng, sản lượng chế biến và cung cấp các sản phẩm mang thương hiệu “Nghệ Jindo”.

Ngoài ra, tại vùng Jindo còn triển khai các chương trình du lịch trải nghiệm cho các du khách đến với vùng, để nông dân có cơ hội chủ động quảng bá văn hóa vùng và nâng cao thu nhập tận dụng thời gian nông nhàn mở thêm cơ hội xúc tiến, quảng bá văn hóa và các sản phẩm của Jindo [8]. Chính cơ chế tập trung và liên kết giúp cho hoạt động sản xuất nghệ của Hàn Quốc hình thành theo chuỗi cung ứng tuần hoàn và khắc phục được những rào cản và là bài học kinh nghiệm trong thực tiễn mà Việt Nam có thể học hỏi.

Jindo nói riêng và Hàn Quốc nói chung thành công không phải vì họ có công nghệ trước, mà nhờ sự tập trung hóa được nguồn phế thải, tập trung hóa trong hoạt động sản xuất từ đó khiến việc đầu tư công nghệ trở nên khả thi về mặt kinh tế. Điều này cho thấy rào cản của xã Chí Minh không phải là thiếu công nghệ cao, mà là sự manh mún trong liên kết tổ chức, khi giải quyết được rào cản này, việc áp dụng công nghệ hay các chính sách để thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn sẽ trở nên khả thi và đồng bộ hơn.

Bang 4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn gắn với hoạt động sản xuất nghệ

Rào cản	Cách thức	Khắc phục rào cản
Nhận thức	- Hình thành cụm liên kết trong hoạt động sản xuất. - Mô hình canh tác theo hợp đồng. - Sự phối hợp giữa 04 bên: Người dân, chính quyền địa phương, Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp, Nhà máy chế biến. - Tăng nguồn thu từ làm dịch vụ du lịch.	- Hiểu biết hạn chế. - Thiếu động lực nhận thức. - Thiếu kỹ năng tiếp cận thông tin. - Kết nối giữa chính sách - môi trường - công nghệ. - Cơ chế hỗ trợ thiếu thực tế, chưa phù hợp với điều kiện địa phương.
Chính sách		
Nguồn lực		

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2025)

5. Kết luận

Việc thực hành chuỗi cung ứng tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp tại xã Chí Minh đối với các sản phẩm từ nghệ đang đối mặt với nhiều rào cản như: rào cản về chính sách, rào cản về nhận thức và rào cản về nguồn lực. Để hướng tới một chuỗi cung ứng nghệ xanh – sạch – bền vững, xã Chí Minh cần từng bước nâng cao nhận

thức về kinh tế tuần hoàn, khuyến khích ứng dụng công nghệ tái chế phụ phẩm, và tăng cường kết nối giữa nông hộ, hợp tác xã và doanh nghiệp. Đây sẽ là nền tảng quan trọng để chuyển đổi từ mô hình sản xuất tuyến tính hiện nay sang chuỗi cung ứng tuần hoàn nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Để tháo gỡ những trở ngại này, kinh

nghiệm quốc tế, đặc biệt từ Hàn Quốc, cung cấp những bài học quan trọng cho Việt Nam. Những nhận diện về rào cản cùng việc tham chiếu kinh nghiệm từ mô hình chuỗi cung ứng tuần hoàn của Hàn Quốc góp phần cung cấp thêm cơ sở tham khảo cho địa phương trong quá trình từng bước chuyển đổi sang mô hình sản xuất tuần hoàn. Các hàm ý nghiên cứu mang tính chất gợi mở, tuy nhiên góp phần bổ sung một số luận cứ thực tiễn cho thảo luận về phát triển chuỗi cung ứng tuần hoàn trong nông nghiệp ở quy mô cơ sở và hỗ trợ việc xem xét, hoàn thiện các định hướng phù hợp với bối cảnh của xã Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong đề tài mã số SV.2025.27.

Tài liệu tham khảo

- [1] M. Geissdoerfer, P. Savaget, N. M. P. Bocken, E. J. Hultink, The Circular Economy – A New Sustainability Paradigm?, *Journal of Cleaner Production*, Vol. 143, 2017, pp. 757-768, <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2016.12.048>.
- [2] K. T. Nguyen, Some Solutions for Fdeveloping the Circular Economy in Vietnam's Agriculture. *State Management Review*, Vol. 329, 2023, pp. 90-94, <https://vi.quanlynhanuoc.vn/qlnn/article/view/560> (accessed on: September 18th, 2025) (in Vietnamese).
- [3] T. D. Q. Do, P. C. Do, Y. N. Tran, T. Q. A. Nguyen, Current Practices in Turmeric-based Product Development and Recommendation for Circular Supply Chain Application A Case Study in Chi Minh Commune, Khoai Chau District, Hung Yen Province. *Can Tho Journal of Science and Technology*, Vol. 6, 2025, pp. 48-59, <https://vjol.info.vn/index.php/tcdaihockythuatcongngheCanTho/article/view/113540/95050> (accessed on: September 16th, 2025) (in Vietnamese).
- [4] Chi Tan Commune Farmers' Association, Report of the Executive Committee of Chi Tan Commune Farmers' Association 2024, 2024 (in Vietnamese).
- [5] Tridge, Global Trade Data & Insights, 2023, <https://www.tridge.com> (accessed on: September 15th, 2025).
- [6] Agricultural Market Intelligence Centre, PJTSAU. Turmeric Outlook, July 2023, Professor Jayashankar Telangana State Agricultural University, 2023, <https://www.pjtau.edu.in/files/AgriMkt/2023/July/Turmeric-July-2023.pdf> (accessed on: September 18th, 2025).
- [7] Observatory of Economic Complexity (OEC), OEC - The Observatory of Economic Complexity. 2024, <https://oec.world> (accessed on: September 18th, 2025).
- [8] S. Lee, Yellow City Jindo Launches Turmeric Experience Tourism Products, Yellow City News. 2017, <http://www.yhjindo.com/news/articleView.html?idxno=1621> (accessed on: September 18th, 2025) (in Korean).